TOÀ ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ TRÀ VINH** **TỈNH TRÀ VINH**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 52/2024/DS-ST

Ngày 11/7/2024

V/v "Tranh chấp hợp đồng mua bán"

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ TRÀ VINH, TỈNH TRÀ VINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà **Lâm Thị Kiều Trang**

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông **Cao Minh Sơn**
2. Bà **Thạch Thị Mỹ Kim**

Thư ký phiên tòa**:** Ông **Lê Anh Duy** – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Trà Vinh, tỉnh Trà Vinh.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Trà Vinh, tỉnh Trà Vinh tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hồng Duyên - Kiểm sát viên.

Ngày 11 tháng 7 năm 2024 tại Trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Trà Vinh, tỉnh Trà Vinh xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 367/2023/TLST-DS ngày 20/12/2023 về "*Tranh chấp hợp đồng mua bán"* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 80/2024/QĐXXST-DS ngày 20 tháng 5 năm 2024, Quyết định hoãn phiên tòa số 42/2024/QĐST-DS ngày 11/6/2024 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ông Mạch Long G, sinh năm 1985.

Địa chỉ: Ấp C, thị trấn C, huyện C, tỉnh Sóc Trăng.

Chỗ ở hiện nay: Số C, Đ, khóm H, phường F, thành phố T, tỉnh Trà Vinh.

Người đại diện theo ủy quyền của ông Mạch Long G1 là bà Mạch Thị Mỹ H, sinh năm 1982. Địa chỉ: Số C, Đ, khóm H, phường F, thành phố T, tỉnh Trà Vinh (Có đơn xin xét xử vắng mặt)

- Bị đơn: Bà Bùi Thị M, sinh năm 1958 (Có mặt)

Ông Trịnh Văn L, sinh năm 1984(Vắng mặt không lý do)

Cùng địa chỉ: Ấp H, xã L, thành phố T, tỉnh Trà Vinh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 30/10/2023 và những lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, người đại diện hợp pháp của nguyên đơn bà Mạch Thị Mỹ H *trình bày:*

Trước đây bà Bùi thị M1 và ông Trịnh Văn L (con bà M1) có đến cửa hàng thức ăn gia súc, thủy sản và thuốc thú y Mỹ A. Địa chỉ: Số C, Đ, khóm H, phường F, thành phố T, tỉnh Trà Vinh để mua thức ăn chăn nuôi. Trong quá trình mua bán với nhau bà M1 và ông L có trả cho cửa hàng một khoản tiền là 95.000.000 đồng(Chín mươi lăm triệu đồng).Tính đế ngày 14/01/2023 bà M1 và ông L còn nợ tiền thức ăn của cửa hàng là 95.956.000 đồng (Chín mươi lăm triệu chín trăm năm mươi sáu ngàn đồng). Bà M1 và ông L có hứa tháng sẽ thanh toán số tiền trên dứt điểm đến tháng 02-3/2023 nhưng ông, bà không thực hiện như lời hứa. Nay ông G1 yêu cầu bà Bùi Thị M và ông Trịnh Văn L phải trả số tiền mua thức ăn còn nợ là 109.658.517 đồng (Một trăm lẻ chín triệu sáu trăm năm mươi tám ngàn năm trăm mười bảy đồng). Trong đó nợ gốc là 95.956.000 đồng (Chín mươi lăm triệu chín trăm năm mươi sáu ngàn đồng), tiền lãi với mức lãi suất 0,84%/tháng phát sinh tạm tính kể từ ngày 11/01/2023 đến ngày 11/6/2024 là 17 tháng (17 tháng x 0,84%= 13.702.517 đồng). Đồng thời yêu cầu bà M và ông L phải trả tiếp tục chịu lãi suất 0,84%/tháng kể từ ngày 12/6/2024 cho đến khi trả xong nợ.

Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa bị đơn bà Bùi Thị M *trình bày:*

Tôi thừa nhận trước đây tôi và con tôi Trịnh Văn L có đến cửa hàng thức ăn gia súc, thuỷ sản và thuốc thú y Mỹ Anh tại địa chỉ: số C, đường Đ, khóm H, phường F, thành phố T, tỉnh Trà Vinh do ông Mạch Long G1 là chủ cửa hàng để mua thức ăn chăn nuôi gia súc và nợ lại cửa hàng số tiền là 95.956.000 đồng và đã có chốt nợ với nhau bằng " Tờ cam kết nhận nợ"ngày 14/01/2023.

Nay tôi đồng ý trả cho ông Mạch Long G1 là chủ cửa hàng thức ăn gia súc, thuỷ sản và thuốc thú y Mỹ Anh số tiền nợ gốc còn nợ mua thức ăn gia súc là 95.956.000 đồng (Chín mươi lăm triệu chín trăm năm mươi sáu ngàn đồng). Tôi thống nhất trả tiền lãi phát sinh với mức lãi suất 0,84%/tháng tính kể từ ngày 11/01/2023 đến ngày 11/6/2024 là 17 tháng (17 tháng x 0,84%= 13.702.517 đồng). Đồng thời thống nhất có nghĩa vụ chịu lãi suất 0,84%/tháng kể từ ngày 12/6/2024 cho đến khi trả xong nợ nhưng yêu cầu chủ cửa hàng cho chúng tôi được trả dần số tiền trên do chúng tôi không có khả năng trả một lần.

Kiểm sát viên tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

Về tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án từ khi thụ lý vụ án cho đến khi xét xử, Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký đã chấp hành đúng nhiệm vụ, quyền hạn và tuân thủ đúng trình tự, thủ tục giải quyết vụ án dân sự theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Nguyên đơn đã thực hiện đúng các quyền và nghĩa vụ của mình. Riêng bị đơn ông Trịnh Văn L trong vụ án đã vắng mặt trong các phiên hòa giải và tại phiên tòa xét xử đã làm ảnh hưởng đến quá trình giải quyết vụ án.

Về nội dung: Vị đại diện Viện kiểm sát tóm tắt nội dung vụ án, sau khi phân tích đánh giá các tình tiết của vụ án và chứng cứ chứng minh của đương sự. Vị đại diện Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Buộc bà Bùi Thị M và ông Trịnh Văn L có trách nhiệm liên đới trả cho nguyên đơn ông Mạch Long G1 khoản tiền nợ gốc là 95.956.000 đồng, nợ lãi phát sinh với mức lãi suất 0,83%/tháng tạm tính từ ngày 01/4/2023 đến ngày xét xử sơ thẩm 11/7/2024 là 15 tháng 10 ngày là 12.212.000 đồng và phải chịu tiền lãi phát sinh kể từ ngày 12/7/2024 cho đến khi trả hết số nợ.

Về án phí dân sự sơ thẩm: Vị đại diện Viện kiểm sát đề nghị xử lý theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng:

Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã tổ chức phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, qua hòa giải, các bên đương sự không thỏa thuận được với nhau tất cả các vấn đề cần giải quyết vụ án. Vụ án được đưa ra xét xử là đúng quy định của pháp luật. bị đơn ông Trịnh Văn L vắng mặt, đại diện của nguyên đơn bà Mạch Thị Mỹ H có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, căn cứ quy định tại Điều 227, Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án.

[2] Về nội dung vụ án:

[2.1] Xét khoản tiền nợ mua thức ăn gia súc, gia cầm mà bà M và ông L còn nợ lại của cửa hàng T, thuỷ sản và thuốc thú y Mỹ A, thấy rằng: Căn cứ nội dung tờ cam kết nhận nợ (Bút lục 09) do ông Mạch Long G1 cung cấp cũng như sự thừa nhận của bà M đã đủ cơ sở xác định tính đến ngày 14/01/2023, bà M và ông L còn nợ cửa hàng số tiền 95.956.000 đồng. Do đó, Hội đồng xét xử xác định, tính đến ngày 14/01/2023, bà M và ông L còn nợ cửa hàng số tiền 95.956.000 đồng là sự thật. Tuy nhiên, sau khi tính chốt nợ vào ngày 14/01/2023, phía cửa hàng có cho phía bà M và ông L kéo dài việc trả nợ trong khoảng thời gian trong tháng 02 đến tháng 3 năm 2023 về khoản tiền nợ gốc và mức lãi suất sẽ tính bằng lãi suất cho vay của Ngân hàng N tại thời điểm chốt nợ. Nhưng sau khi chốt nợ ngày 14/01/2023, phía bà M và ông L không thực hiện việc trả nợ gốc theo thỏa thuận tại tờ cam kết nhận nợ. Từ đó, đủ cơ sở xác định ông Mạch Long G1 - chủ Hộ kinh doanh cửa hàng thức ăn gia súc, thuỷ sản và thuốc thú y M2 khởi kiện bà M, ông L yêu cầu trả khoản nợ gốc 95.956.000 đồng là có căn cứ, phù hợp quy định tại Điều 434, Điều 440 Bộ luật Dân sự năm 2015.

[2.2] Về yêu cầu trả lãi và mức lãi suất: Theo nội dung tờ xác nhận hàng hóa ngày 11/01/2023 và tờ cam kết nhận nợ mà ông Mạch Long G1 cung cấp cho Tòa án có chữ ký xác nhận của ông Trịnh Văn L và bà Bùi Thị M có nội dung:“ *Số tiền còn lại chưa thanh toán thì* cửa hàng M3 *sẽ tính lãi suất bằng lãi suất cho vay của* Ngân hàng N *tại thời điểm mà tôi đã thiếu* cửa hàng M3*”và nội dung “ Tôi hứa trong vòng tháng 02 đến tháng 03/2023 tôi sẽ thanh toán đủ số nợ trên, nếu sai tôi hoàn toàn chịu trách nhiệm”*những nội dung trên không xác định rõ

lãi suất cũng như mốc thời gian cụ thể bắt đầu tính lãi nên không đủ cơ sở xác định các bên có thỏa thuận việc trả lãi theo mức lãi suất 0,84%/tháng. Tuy nhiên, quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, bà M thống nhất nhưng phía anh L vắng mặt không có lời trình bày. Do nguyên đơn không chứng minh được hai bên có thỏa thuận mức lãi suất 0,84%/tháng, nên căn cứ quy định tại Điều 357, Điều 440, Điều 468 Bộ luật Dân sự mức lãi suất được áp dụng là 10%/năm, tương ứng là 0,83%/tháng.

[2.3] Về thời điểm tính lãi: Theo yêu cầu của nguyên đơn thể hiện tại bản tự khai ngày 23/5/2024 yêu cầu bị đơn có nghĩa vụ trả lãi từ ngày 11/01/2023 đến ngày 11/6/2024 cho đến ngày bà M, ông L trả xong khoản nợ là không phù hợp. Bởi lẽ, như đã phân tích ở trên, tại tờ cam kết nhận nợ ngày 14/01/2023 không thể hiện cụ thể mốc thời gian bắt đầu tính lãi mà chỉ thể hiện nội dung *" Tôi hứa trong vòng tháng 02 đến tháng 03/2023 tôi sẽ thanh toán đủ số nợ trên, nếu sai tôi hoàn toàn chịu trách nhiệm"* nhưng phía bị đơn bà M và ông L vẫn không thực hiện việc trả tiền còn nợ như lời hứa nên xác định thời điểm bắt đầu vi phạm nghĩa vụ trả nợ là ngày 01/4/2023. Như vậy, thời điểm tính lãi được tính từ ngày 01/4/2023.

[2.4] Số tiền lãi được tạm tính như sau: 95.956.000 đồng x 0,83%/tháng x 15 tháng 10 ngày (từ ngày 01/4/2023 đến ngày xét xử sơ thẩm 11/7/2024) = 12.212.000 đồng.

[2.5] Từ những phân tích trên, cho thấy đề nghị của Kiểm sát viên tại phiên tòa về việc chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là phù hợp nên Hội đồng xét xử chấp nhận buộc bà M, ông L có trách nhiệm liên đới trả cho nguyên đơn ông Mạch Long G1 khoản tiền nợ gốc là 95.956.000 đồng, nợ lãi từ ngày 01/4/2023 đến ngày xét xử sơ thẩm 11/7/2024 với lãi suất 0,83%/tháng là 12.212.000 đồng. Tổng cộng cả tiền nợ gốc và lãi là 108.168.000 đồng.

[2.6] Không chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn liên quan đến một phần tiền lãi tương ứng thành tiền là: 1.490.517 đồng.

[3] Về án phí sơ thẩm: Bà M và ông L mỗi người phải chịu án phí là 2.704.000 đồng. Nhưng do bà M là người cao tuổi và có đơn xin miễn án phí được chấp nhận theo quy định điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án nên bà M không phải nộp án phí.

Ông Mạch Long G1 phải chịu án phí là 300.000 đồng nhưng cấn trừ vào số tiền mà ông Mạch Long G1 đã nộp tạm ứng 2.582.000 đồng theo biên lai số 0000039 ngày 20/12/2023 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Trà Vinh. H1 lại cho ông Mạch Long G1 số tiền chênh lệch là 2.282.000 đồng theo biên lai thu trên.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 5, Điều 26, Điều 35, Điều 39, Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều Điều 483 Bộ luật Tố tụng dân sựCác Điều 357, Điều 434, Điều 440, Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015; điểm đ khoản 1 Điều 12 và Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Mạch Long G1.

Buộc bà Bùi Thị M và ông Trịnh Văn L có trách nhiệm liên đới trả cho ông Mạch Long G1 khoản tiền nợ gốc là 95.956.000 đồng, nợ lãi tạm tính từ ngày 01/4/2023 đến ngày xét xử sơ thẩm 11/7/2024 với lãi suất 0,83%/tháng (95.956.000 đồng x 0,83%/tháng x 15 tháng 10 ngày) = 12.212.000 đồng). Tổng cộng cả tiền nợ gốc và lãi là 108.168.000 đồng.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền chậm thi hành án, theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015

2. Không chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Mạch Long G1 liên quan đến một phần tiền lãi tương ứng thành tiền là: 1.490.517 đồng.

3. Về án phí: Bà M và ông L mỗi người phải chịu án phí là 2.704.000 đồng. Bà M là người cao tuổi và có đơn xin miễn án phí được chấp nhận theo quy định điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án nên bà M không phải nộp.

Ông Mạch Long G1 - chủ cửa thức ăn gia súc, thuỷ sản và thuốc thú y Mỹ A phải chịu án phí là 300.000 đồng nhưng cấn trừ vào số tiền mà ông Mạch Long G1 đã nộp tạm ứng 2.582.000 đồng theo biên lai số 0000039 ngày 20/12/2023 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Trà Vinh. H1 lại cho ông Mạch Long G1 số tiền chênh lệch là 2.282.000 đồng theo biên lai thu trên.

4. Về quyền kháng cáo: Án xử sơ thẩm công khai báo cho các đương sự có mặt tại phiên toà có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết. Viện kiểm sát nhân dân cùng cấp, Viện kiểm sát nhân dân cấp trên được quyền kháng nghị theo quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự.

5. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sựngười được thi hành án, người phải thi hành án dân sự

có quyền thỏa thuận thi hành án hoặc bị cưỡng chế theo quy định tại các Điều 6, Điều 7 và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND Tỉnh Trà Vinh;
- VKSND Tp. Trà Vinh;
- Chi cục THADS Tp. Trà Vinh;
- Các đương sự;
- Lưu.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Lâm Thị Kiều Trang